

Bản án số: 21/2025/DS-PT

Ngày: 10/02/2025

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và bà Nguyễn Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên:

Bà Vũ Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 156/2024/DS-PT ngày 08/10/2024, về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 15/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương có kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2024/QĐ-PT ngày 26/11/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N (A). Địa chỉ trụ sở: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Ngô Thượng H – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện P.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Ông Bùi Xuân H1, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số nhà G, đường B, tổ C, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt tại phiên tòa)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đỗ Thị H2, sinh năm 1954. Địa chỉ: Xóm B, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/12/2019, Ngân hàng N - chi nhánh huyện P và anh Bùi Xuân H1 ký kết hợp đồng tín dụng số 8503-LAV-201905225.

Ngày 31/12/2019, Ngân hàng đã giải ngân cho anh Bùi Xuân H1 số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); Mục đích vay: Bù đắp chi phí mua vật liệu xây dựng chuồng trại chăn nuôi lợn, gà; Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 31/12/2022; Phân kỳ trả lãi 03 tháng/kỳ vào ngày 25. Nợ gốc trả 03 kỳ vào ngày 25/12/2020, 25/12/2021, 25/12/2022

Ngày 25/3/2022, Ngân hàng đã giải ngân cho anh Bùi Xuân H1 số tiền 10.000.000 đồng; mục đích vay: Bù đắp chi phí mua cây giống; Hạn trả nợ cuối cùng ngày 25/3/2023; Phân kỳ trả lãi 03 tháng/kỳ vào ngày 20; Nợ gốc trả 01 kỳ vào ngày 25/3/2023.

Các khoản vay không có tài sản bảo đảm, tuy nhiên Ngân hàng giữ 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 02338 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 15/12/2000 mang tên bà Đỗ Thị H2 để đảm bảo cho khoản vay.

Tính đến hết ngày 27/11/2023, nợ gốc và lãi quá hạn tại cả 02 lần nhận nợ của anh Bùi Xuân H1 tạm tính là 207.067.727 đồng, trong đó nợ gốc là 180.000.000 đồng, nợ lãi là 27.067.727 đồng.

Từ khi anh H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã rất nhiều lần làm việc, đôn đốc trả nợ nhưng đến nay anh H1 vẫn không thanh toán trả nợ cho Ngân hàng, ảnh hưởng đến hoạt động của Ngân hàng.

Bị đơn anh Bùi Xuân H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng anh H1 và bà H2 không có mặt tại Tòa án để làm việc, Tòa án không tiến hành ghi lời khai của anh H1 và bà H2 được.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 15/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (A).

1. Buộc anh Bùi Xuân H1 phải thanh toán cho Ngân hàng A số tiền tính đến ngày 14/7/2024 là 211.742.910 đồng (*Hai trăm mười một triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm mười đồng*), gồm: nợ gốc 180.000.000 đồng, tiền nợ lãi: 31.742.910 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 14/7/2024 cho đến khi thi hành xong, anh Bùi Xuân H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 8503-LAV-201905225 ngày 31/12/2019. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

2. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A về việc rút yêu cầu kê biên, phát mại tài sản tín chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 02338 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 15/12/2000 mang tên bà Đỗ Thị H2 trong trường hợp anh Bùi Xuân H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.

3. Buộc Ngân hàng A phải trả lại cho anh Bùi Xuân H1 và bà Đỗ Thị H2 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 02338 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 15/12/2000 mang tên bà Đỗ Thị Hữu .

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1 Buộc anh Bùi Xuân H1 phải chịu 10.587.000 đồng (*Mười triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

4.2 Hoàn trả cho Ngân hàng A 5.176.000 đồng (*Năm triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004433 ngày 27/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/7/2024, Ngân hàng N kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm bác bỏ nội dung Toà án nhân dân huyện Phú Lương tuyên buộc Ngân hàng A Chi nhánh huyện P, tỉnh Thái Nguyên phải trả cho ông Bùi Xuân H1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T394019 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 15/12/2000.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng N trình bày những nội dung chính như sau: Nhất trí với quyết định của Bản án sơ thẩm là buộc anh Bùi Xuân H1 có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng A, số tiền tạm tính đến ngày 14/7/2024 là 211.742.910 đồng trong đó, tiền gốc là 180.000.000 đồng, tiền lãi là 31.742.910 đồng. Ngân hàng A giữ nguyên nội dung kháng cáo, không đồng ý với nội dung Toà án nhân dân huyện Phú Lương tuyên buộc ngân hàng phải trả lại cho anh Bùi Xuân H1 và bà Đỗ Thị H2 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02338 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 15/12/2000 mang tên bà Đỗ Thị Hữu .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật TTDS chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng N, sửa bản án sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 15/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương theo hướng:

+ *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (A) về việc buộc anh Bùi Xuân H1 phải trả khoản tiền nợ gốc 180.000.000 đồng, tiền nợ lãi: 31.742.910 đồng, tổng là 211.742.910 đồng.*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 14/7/2024 cho đến khi thi hành xong, anh Bùi Xuân H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 8503-LAV-201905225 ngày 31/12/2019. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

+ *Chấp nhận và đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng A về việc rút yêu cầu kê biên, phát mại tài sản tín chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 02338 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 15/12/2000 mang tên hộ bà Đỗ Thị Hữu .*

+ *Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; nguyên đơn không phải án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Ngân hàng N (A) kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử thấy, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo về việc thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt ba lần không có lý do và Tòa án đã triệu tập hợp lệ, nên việc xét xử vẫn được tiến hành theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng N (A) về việc không chấp nhận một phần bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thấy:

Ngày 31/12/2019, bên cho vay Ngân hàng A do bà Hoàng Thị Việt H3 – Phó Giám đốc xác nhận giao dịch làm đại diện và bên vay là anh Bùi Xuân H1 tiến hành ký kết hợp tín dụng số 8503-LAV-201905225 với nội dung: Ngân hàng A cho anh Bùi Xuân H1 vay tiền với hạn mức cho vay là 200.000.000 đồng, phương thức cho vay: Theo hạn mức quy mô nhỏ; Mục đích sử dụng vốn vay: Sản xuất, kinh doanh và phục vụ nhu cầu đời sống. Thời gian duy trì hạn mức: 36 tháng, kể từ ngày ký kết Hợp đồng. Thời hạn cho vay và kỳ hạn nợ: Theo từng báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ.

Nội dung và hình thức của giao dịch giữa các bên theo hợp đồng tín dụng số 8503-LAV-201905225 ngày 31/12/2019 đều đảm bảo quy định tại Điều 119 và Điều 398 Bộ luật dân sự 2015, được xác định là hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng với cá nhân mà bản chất là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, hợp đồng tín dụng số 8503-LAV-201905225 phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, vì vậy có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Tại Điều 3 của Hợp đồng tín dụng số 8503-LAV-201905225 ngày 31/12/2019 quy định về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ: “*Cho vay không bảo đảm bằng tài sản...*” và các bên cũng không có thỏa thuận nào khác về việc thế chấp tài sản. Ngân hàng xác định không làm bất cứ thủ tục gì đối với việc nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Đỗ Thị Hữu . Do vậy, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 02338 do Ủy ban nhân

dân huyện P cấp ngày 15/12/2000 mang tên bà Đỗ Thị H2 không phải tài sản thế chấp.

Theo quy định tại khoản 3, Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về Cơ chế bảo đảm tiền vay như sau: “3. Các đối tượng khách hàng được vay không có tài sản bảo đảm quy định tại Khoản 2 Điều này phải nộp cho tổ chức tín dụng cho vay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đối với các đối tượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) hoặc giấy xác nhận chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất không có tranh chấp do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận. Khách hàng chỉ được sử dụng giấy xác nhận chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất không có tranh chấp để vay vốn tại một tổ chức tín dụng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng giấy xác nhận trên để vay không có tài sản bảo đảm theo quy định tại Nghị định này”.

Như vậy, ông Bùi Xuân H1 nộp cho A Chi nhánh huyện P Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất là sự thỏa thuận của hai bên cũng như phù hợp quy định của Nghị định 55 của Chính phủ. Việc Tòa án nhân dân huyện Phú Lương tuyên buộc A Chi nhánh huyện P phải trả cho ông Bùi Xuân H1 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T394019 do UBND huyện P cấp ngày 15/12/2000 là chưa đảm bảo. Nội dung trả lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được thực hiện khi ông H1 đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ hoặc hai bên có sự thỏa thuận khác.

Ngoài ra, trong vụ án này, tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu về việc kê biên, phát mại tài sản tín chấp cho khoản vay để thu hồi nợ trong trường hợp anh Bùi Xuân H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Nội dung này HĐXX sơ thẩm mới chấp nhận nhưng chưa đình chỉ là chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy kháng cáo của Ngân hàng A là có căn cứ, cần chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng A, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương và Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp, cần được chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ Về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 148; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 351, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng N (A);

2.2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 15/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (A).

- Buộc anh Bùi Xuân H1 phải thanh toán cho Ngân hàng A số tiền tính đến ngày 14/7/2024 là 211.742.910 đồng (Hai trăm mười một triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm mười đồng), gồm: nợ gốc 180.000.000 đồng, tiền nợ lãi: 31.742.910 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 14/7/2024 cho đến khi thi hành xong, anh Bùi Xuân H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 8503-LAV-201905225 ngày 31/12/2019. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

- Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng A về việc rút yêu cầu kê biên, phát mại tài sản tín chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 02338 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 15/12/2000 mang tên hộ bà Đỗ Thị Hữu .

Việc trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 02338 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 15/12/2000 mang tên bà Đỗ Thị H2 được thực hiện khi ông H1 đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ hoặc hai bên có sự thỏa thuận khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc anh Bùi Xuân H1 phải chịu 10.587.000 đồng (Mười triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

+ Hoàn trả cho Ngân hàng A 5.176.000 đồng (Năm triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004433 ngày 27/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ngân hàng N (A) không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn trả lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004671 ngày 31/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

5. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 15/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Phú Lương;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ích Yên